

Số: 53 /QĐ-ĐT

Phúc Yên, ngày 23 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Đề án tuyển sinh năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Điều lệ Trường Cao đẳng ban hành theo thông tư 15/2021/TT- BLĐTBXH ngày 21 /10/ 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội;
Căn cứ Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non tại văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BGDĐT ngày 20/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;
Căn cứ Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng ban hành theo Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
Căn cứ Quyết định 342/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc giao chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 2022 của trường Cao đẳng Vĩnh Phúc;
Xét đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo-Bồi dưỡng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án tuyển sinh năm 2022 tại Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng, Khoa, Tổ, các cán bộ giảng viên, viên chức của nhà trường căn cứ Quyết định thực hiện.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Giáo dục đại học);
- Bộ LĐ-TB&XH (Tổng cục GDNN);
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở LĐ-TB &XH;
- Sở VH-TT và DL;
- Sở Y tế;
- Lưu ĐT+ VT, Website của trường.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Thanh Tùng

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2022

((Ban hành kèm theo Quyết định số 53/QĐ-ĐT ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Vĩnh Phúc))

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non tại văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BGDĐT ngày 20/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (QC 07);

Căn cứ Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng ban hành theo Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội(QC 05);

Căn cứ Quyết định 342/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc giao chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 2022 của trường Cao đẳng Vĩnh Phúc;

Trường cao đẳng Vĩnh Phúc xây dựng Đề án tuyển sinh năm 2022 với các nội dung cụ thể sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ trụ sở và địa chỉ trang thông tin điện tử

- **Tên trường:** Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc
- **Sứ mệnh:** Trường có sứ mệnh đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho ngành giáo dục, ngành y tế và các lĩnh vực thuộc các ngành kinh tế, xã hội, văn hóa, nghệ thuật, du lịch, quản lý văn hóa của tỉnh Vĩnh Phúc và của toàn xã hội; nghiên cứu khoa học cơ bản và khoa học ứng dụng phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

- **Địa chỉ:**

+ Trụ sở chính: Phường Trung Nhị - Thành phố Phúc Yên - tỉnh Vĩnh Phúc
+ Cơ sở 2: Phường Liên Bảo - Thành Phố Vĩnh Yên - tỉnh Vĩnh Phúc (Trường Trung cấp Y tế cũ).

- **Website:** caodangvinhphuc.edu.vn

2. Quy mô đào tạo chính quy đến 31/12/2021

Nhóm ngành	Quy mô hiện tại			
	Hệ Cao đẳng		Hệ Trung cấp	
	Chính quy	VLVH	Chính quy	VLVH
1. Ngành Giáo dục Mầm non	1602			
2. Các ngành khối văn hóa nghệ thuật			89	
3. Các ngành khối sức khỏe	98		25	

3. Thông tin về tuyển sinh cao đẳng chính quy năm 2020, 2021

3.1. Phương thức tuyển sinh

Nhà trường kết hợp 2 phương thức xét tuyển:

- Xét tuyển, thi tuyển (đối với các môn năng khiếu) thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) và dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia.
- Xét tuyển, thi tuyển (đối với các môn năng khiếu) và sử dụng Điểm trung bình môn của 3 môn lớp 12 theo tổ hợp các môn dùng để xét tuyển các ngành theo quy định của nhà trường đối với từng năm tuyển sinh.

3.2. Điểm trúng tuyển

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh -2(2020)			Năm tuyển sinh-1(2021)		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
Nhóm ngành I						
Giáo dục Tiểu học	0	0		0	0	
Giáo dục Mầm non	715	967	16.50	970	1013	17.00
Tổng	715	967		970	1013	

II. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

1.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

1.1.1. Thống kê số lượng, diện tích đất

a. Cơ sở 1: P. Trưng Nhị - Tp Phú Yên – Vĩnh Phúc

- Tổng diện tích đất của trường: 5,8 ha

- Tổng diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của nhà trường: 25743 m².

- Ký túc xá sinh viên diện tích 6335 m²; số chỗ ở cho HSSV: 1000.

b. Cơ sở 2: Phố Tuệ Tĩnh - Tp Vĩnh Yên – Vĩnh Phúc

- Diện tích đất với tổng diện tích mặt bằng: 2,1ha

- Tổng diện tích xây dựng các hạng mục công trình: 9550 m².

- Ký túc xá học sinh: 1160 m²; số chỗ ở cho HSSV: 200.

1.1.2. Thống kê diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

a. Cơ sở 1: P. Trưng Nhị - Tp Phú Yên – Vĩnh Phúc

Tổng diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình 25743 m².

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	112	11735
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	2490
1.2	Phòng học từ 100-200 chỗ	1	350
1.3	Phòng học từ 50-100 chỗ	30	1950
1.4	Phòng học dưới 50 chỗ	34	1500
1.5	Phòng học đa phương tiện	10	570
1.6	Khu nhà làm việc/Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	35	1450
1.7	Nhà tập đa năng	1	1280
2	Thư viện, trung tâm học liệu	6	1213
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	8	1432
4	Khu ký túc xá/khu nội trú	104	6335
5	Sân vận động	1	1350

b. Cơ sở 2: Phố Tuệ Tĩnh - Tp Vĩnh Yên – Vĩnh Phúc

Tổng diện tích xây dựng các hạng mục công trình: 9550 m². Bao gồm:

- Nhà điều hành: 652 m².
- Hội trường: 550 m².
- Nhà lớp học: 3300m², số phòng học 20 phòng (16 phòng học lý thuyết, 04 phòng thực hành).
- Nhà thực hành: 1640 m², số phòng 16 phòng.
- Ký túc xá học sinh: 1.160 m²; nhà cấp 3, số phòng 30 phòng, phục vụ cho 250 học sinh ở ký túc xá.
- Khu nhà ở của CBCNV: 8 phòng, tổng diện tích 400m², nhà cấp 4,
- Nhà bảo vệ: 25 m², nhà cấp 4.
- Nhà ăn: 525 m²; nhà cấp 3.
- Trạm Y tế: 300m²

Ngoài ra cơ sở sở 2 còn có:

- Khu sân trường: 700 m²; Khu để xe: 1000 m²
- Vườn thuốc Nam: 500m², có 150 loại cây thuốc để điều trị các bệnh thông thường dùng cho học sinh thực hành.

*** Cơ sở thực tập, thực tế.**

- Bệnh viện thực hành: 15 bệnh viện
- + Bệnh viện tuyến tỉnh: 06 bệnh viện.
- + Bệnh viện tuyến huyện có 09 bệnh viện.
- Công ty: 01 công ty cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc.
- Trung tâm kiểm nghiệm Dược hoá mỹ phẩm Vĩnh Phúc.
- Trạm Y tế: 137 xã, phường, thị trấn trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố.

Ngoài ra Nhà trường có các phòng máy vi tính với 150 máy tính. Nhà trường đã nối mạng internet để sinh viên khai thác thông tin phục vụ học tập nghiên cứu; các phòng thiết bị nghe nhìn với 56 ca bin, 15 cát sét, 04 máy chiếu qua đầu....; phòng truyền thanh 01 phòng truyền thanh trong nội bộ trường với loa, tăng âm.....

1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên phòng	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ ngành/Khối ngành
1	Phòng máy tính: 601 giảng đường B	Máy tính 36; Internet; máy chiếu; Loa	GDMN và ngành học khác
2	Phòng máy tính: 602 giảng đường B	Máy tính 29; Internet; máy chiếu; Loa	GDMN và ngành học khác
3	Phòng máy tính: 603 giảng đường B	Máy tính 42; Internet; máy chiếu; Loa	GDMN và ngành học khác
4	Phòng Lap 1 nhà khách	Máy tính 25; Internet; máy chiếu; Loa	GDMN và ngành học khác
5	Phòng Lap 2 lớn nhà khách	Máy tính 40; Internet; máy chiếu; Loa	GDMN và ngành học khác
6	Phòng máy tính: 301 thư viện	Máy tính 31; Internet; máy chiếu; Loa	GDMN và ngành học khác
7	Phòng máy tính: 302 thư viện	Máy tính 24; Internet; máy chiếu; Loa	GDMN và ngành học khác
8	Phòng học đàn (nhà C)	01 phòng có 40 đàn organ	GDMN và ngành học khác
9	Phòng thực hành họa	01 phòng có các mẫu và giá vẽ.	GDMN và ngành học khác
10	Phòng thực hành múa	Có gương lớn quanh tường và gióng múa; Loa	GDMN và ngành học khác
11	Phòng học thí nghiệm nhà T: 02 phòng Sinh học	. Có các thiết bị đảm bảo cho việc học thực hành, thí nghiệm của bộ môn.	GDMN và ngành học khác

12	Nhà TDTT đa năng	DT sàn xây dựng 1280; trang bị các dụng cụ TDTT trong nhà.	GDMN và ngành học khác
----	------------------	--	------------------------

1.3. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo..., sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử trong thư viện)

TT	Khối ngành đào tạo	Số lượng
1	Giáo dục Mầm non - Giáo trình - Tham khảo	581 cuốn 1640 cuốn.
2	Các ngành khác - Giáo trình - Tham khảo	8387 cuốn 25851 cuốn

1.4. Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh các ngành cao đẳng

TT	Họ và tên	Giới tính		Trình độ chuyên môn đào tạo			Chuyên môn đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành chủ trì giảng dạy	
		Nam	Nữ	TS CK 2	Ths	ĐH			CĐ GDMN	CĐ,TC GDNN
1	Trần Thanh Tùng	1		1			Sinh học		1	
2	Nguyễn Xuân Công	1			1		Toán học		1	
3	Trịnh Thị Luyến		1	1			Nhi, truyền nhiễm; Ths QLGD			1
4	Đào Ngọc Anh	1			1		QLGD		1	
5	Doãn Thế Anh	1		1			Địa lí		1	
6	Nguyễn Văn Thu	1			1		CNTT		1	
7	Triệu Việt Dũng	1				1	QL văn hóa			1
8	Phạm T Diệu Thương		1		1		Văn hóa học			1
9	Trần Nhân Vĩnh	1			1		Giáo dục học		1	
10	Nguyễn T Mai Hương		1		1		Sinh học		1	
11	Ng Thị Phương Chung		1			1	Âm nhạc		1	
12	Nguyễn Thành Công	1			1		Triết học	1		
13	Nguyễn Thị Phương		1			1	Kinh tế			1
14	Trần Vương Ngọc	1				1	CNTT	1		
15	Nguyễn Anh Hiểu	1			1		CNTT		1	
16	Đinh Thị Tuyết		1		1		Ngữ văn		1	
17	Hoàng Thị Diên		1		1		Lịch sử		1	
18	Nguyễn Anh Tuấn	1			1		CNTT		1	
19	Lương T Song Vân		1		1		CNTT		1	
20	Phạm Thị Quế		1		1		Triết học	1		

21	Ng Thị Kim Thoa		1		1	Thư viện			1
22	Trần T Lan Anh		1	1		Tâm lý học		1	
23	Đỗ Thị Thúy		1	1		Thư viện			1
24	Ng Phương Thảo		1	1		Toán học		1	
25	Nguyễn Ngọc Thụ	1		1		GĐTC	1		
26	Nguyễn Thanh Bình	1			1	GĐTC	1		
27	Vũ Văn Hồng	1		1		Triết học	1		
28	Nguyễn Thị Hòa		1	1		Âm nhạc		1	
29	Cao Đức Bộ	1		1		Lưu trữ			1
30	Trịnh Thị Sen		1	1		Âm nhạc		1	
31	Lê Kim Bá Yên	1		1		Lịch sử		1	
32	Tạ Hoài Quang	1		1		Toán học		1	
33	Nguyễn Thị Hạnh		1	1		KDTM			1
34	Nguyễn Hữu Hiệp	1		1		QLGD		1	
35	Trần T Bích Loan		1	1		Kinh tế PT			1
36	Dương Đình Chuyển	1		1		GĐTC	1		
37	Phạm Văn Quân	1		1		Triết học	1		
38	Đỗ Văn Hải	1		1		Hóa học		1	
39	Phạm Thị Duyên		1	1		Triết học	1		
40	Ng Thị Kim Chung		1	1		Triết học	1		
41	Nguyễn Đức Khiêm	1		1		Triết học	1		
42	Lương Thị Kim Dung		1	1		Triết học	1		
43	Quách Kiều Dung		1	1		Kinh tế CT	1		
44	Nguyễn T Minh Huệ		1	1		Giáo dục học		1	
45	Nguyễn Thị Hiền		1	1		Giáo dục học		1	
46	Hoàng Thị Hải Hoàn		1	1		QLGD		1	
47	Nguyễn Thị Hợi		1	1		Tâm lý học		1	
48	Trần Tuyết Nhung		1	1		Giáo dục học		1	
49	Phạm Việt Hà		1		1	Tâm lý học		1	
50	Lê Thị Thanh Thảo		1	1		Giáo dục học		1	
51	Lê Thành Hưng	1		1		Toán học		1	
52	Phạm Thị Thu Hiền		1	1		Hóa học		1	
53	Ng Thị Thanh Nga		1	1		Sinh học		1	
54	Nguyễn Bá Hưng	1		1		CNTT	1		
55	Ng Thị Minh Thủy		1	1		GĐTC		1	
56	Nguyễn Hữu Huân	1			1	GĐTC	1		
57	Nguyễn Hoàng Sơn	1		1		GĐTC	1		
58	Hồ Thị Hà Ly		1		1	GĐTC		1	
59	Ngô Thị Xuyên		1	1		Sinh học		1	
60	Đặng Việt Hà		1	1		Sinh học		1	
61	Kim Đình Tiến	1		1		Sinh học		1	

62	Đỗ Xuân Thọ	1			1	CNTT	1		
63	Ng Thị Huyền Anh		1		1	GDTC	1		
64	Đào T Hoàng Giang		1		1	Toán học		1	
65	Vũ Văn Tuấn	1			1	CNTT	1		
66	Phùng Trọng Việt	1			1	GDTC	1		
67	Phan Tự Hưng	1			1	Lịch sử		1	
68	Nguyễn Thị Thu Hằng		1	1		Ngữ văn		1	
69	Ng Thị Thanh Thủy		1		1	Lịch sử		1	
70	Đoàn Việt Phương	1			1	Tiếng Anh	1		
71	Nguyễn Minh Thắng		1		1	Tiếng Anh	1		
72	Chu Thị Vân Anh		1	1		Lịch sử		1	
73	Lê Thị Thùy		1		1	Tiếng Anh	1		
74	Phạm Thị Vân		1		1	Tiếng Anh	1		
75	Ng Ngọc Quyên		1		1	Tiếng Anh	1		
76	Ng Thị Lê Dung		1		1	Quản trị KD			1
77	Bùi Thị Diễm Hương		1		1	Văn hóa học			1
78	Ng Thị Minh Thu		1		1	Quản trị KD			1
79	Nguyễn T Phương Thanh		1		1	Văn hóa học			1
80	Ng Thị Hồng Lan		1		1	Thư viện			1
81	Đỗ Ngọc Thúy		1		1	Ngữ văn		1	
82	Mâu Thị Nguyệt Nga		1		1	Toán học		1	
83	Nguyễn T Thu Phương		1		1	GDMN		1	
84	Trần Văn Hồng	1			1	Ngữ văn		1	
85	Trịnh T Hương Loan		1		1	Ngữ văn		1	
86	Lê Thị Hương Thảo		1		1	GDTH		1	
87	Ng Thị Hương Lan		1		1	GDMN		1	
88	Trần Thị Thanh Nga		1		1	GDMN		1	
89	Nguyễn Lan Anh		1		1	GDMN		1	
90	Phạm T Thanh Huyền		1		1	GDMN		1	
91	Lê Văn Vũ	1			1	Âm nhạc		1	
92	Ng Thị Hồng Vân		1		1	Mỹ thuật			1
93	Lê Thị Tuyết Mây		1		1	Văn hóa học		1	
94	Đào Thị Hồng Vân		1		1	Mỹ thuật		1	
95	Nguyễn Văn Thọ	1			1	Mỹ thuật		1	
96	Hoàng Đình Hào	1			1	Mỹ thuật		1	
97	Ng Thị Vân Thương		1		1	Âm nhạc		1	
98	Ng Ngọc Phượng		1		1	Âm nhạc		1	
99	Phạm Thị Hằng		1		1	Mỹ thuật		1	
100	Đậu Thị Hà		1		1	Âm nhạc		1	
101	Phạm Kiều Trang		1		1	Âm nhạc			1
102	Nguyễn Quỳnh Trang		1		1	Âm nhạc			1

103	Nguyễn Huy Tuấn	1			1	Âm nhạc			1
104	Đỗ Ngọc Cương	1			1	Âm nhạc			1
105	Lâm Ngọc Bình	1			1	Múa			1
106	Trần Hồng Hải	1			1	Mỹ thuật			1
107	Ng Xuân Đệm	1			1	Mỹ thuật			1
108	Triệu Ngọc Thạch	1			1	Mỹ thuật			1
109	Lâm Thị Đào Tiên		1		1	Mỹ thuật			1
110	Vũ Đình Sơn	1			1	Điều dưỡng			1
111	Triệu Văn Tuyên	1			1	Điều dưỡng; Y tế CC			1
112	Phạm Thị Sáng		1		1	Điều dưỡng			1
113	Trần Tôn Kiên	1			1	GDTC	1		
114	Ng Thị Lệ Hằng		1		1	Tiếng Anh	1		
115	Đào Thị Nguyên Hương		1		1	Điều dưỡng, Y tế CC			1
116	Lê Minh Hằng		1		1	Dược			1
117	Dương Thị Hợp		1		1	Triết học	1		
118	Trương Kiều Phương		1		1	Tiếng Anh	1		
119	Lê Anh Toàn	1			1	GDTC	1		
120	Nguyễn Văn Thức	1			1	BSYHCT			1
121	Đặng T. Ngọc Anh		1		1	Điều dưỡng			1
122	Nguyễn Thị Hằng		1		1	Điều dưỡng			1
123	Vũ Ngọc Thoại	1			1	Dược sĩ			1
124	Hà Thị Thu Hà		1		1	Dược sĩ			1
125	Lê Huy Tường		1		1	Dược sĩ			1
126	Lê Ngọc Hà		1		1	Dược sĩ			1
127	Lê Quốc Hoàn	1			1	Điều dưỡng			1
128	Nguyễn Gia Lương	1			1	Điều dưỡng			1
129	Thân Văn Lý	1			1	Điều dưỡng			1
130	Nguyễn Thị Lộc		1		1	Điều dưỡng, Dinh dưỡng			1
131	Nguyễn Thị Vân		1		1	Điều dưỡng			1
132	Vũ Thuý Nghi		1		1	BS Đa khoa			1

III. THÔNG TIN TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NĂM 2022

1. Đối tượng tuyển sinh:

1.1. Đối với ngành giáo dục mầm non: Theo Điều 5 của Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non tại văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BGDĐT ngày 20/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và các văn bản hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Đối với các ngành khối giáo dục nghề nghiệp: Theo khoản 2 Điều 3 của Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng ban hành theo Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

3. Phương thức tuyển sinh: Nhà trường áp dụng 03 phương thức tuyển sinh

3.1. Phương thức 1: Kết hợp thi tuyển và xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT 2022

+ Đối với ngành Giáo dục Mầm non: Thi năng khiếu (Hát, Đọc diễn cảm) kết hợp sử dụng kết quả kỳ thi của thí sinh dự thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2022 (TNTHPT) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ hợp môn dùng để xét tuyển theo quy định của nhà trường tại Đề án này. Số lượng 10% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh.

+ Đối với các ngành khối giáo dục nghề nghiệp: Sử dụng kết quả kỳ thi của thí sinh dự thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2022 (TNTHPT) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo để xét tuyển. Tổ hợp môn dùng để xét tuyển theo quy định của nhà trường tại Đề án này. Số lượng 20% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh.

3.2. Phương thức 2: Kết hợp thi tuyển và xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở THPT

+ Đối với ngành Giáo dục Mầm non: Thi tuyển năng khiếu (Hát, Đọc diễn cảm) và kết hợp xét tuyển Điểm trung bình cả năm lớp 12. Số lượng 80% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh.

+ Đối với các ngành năng khiếu khối giáo dục nghề nghiệp: Thi tuyển các môn năng khiếu theo từng chuyên ngành và kết hợp xét tuyển Điểm trung bình cả năm lớp 12. Số lượng 70% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh.

3.3. Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở THPT

Đối với các ngành khối giáo dục nghề nghiệp không thi môn năng khiếu, nhà trường sử dụng Điểm trung bình cả năm lớp 12 để xét tuyển. Số lượng 70% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh.

3.4. Xét tuyển thẳng: Chỉ áp dụng đối với ngành Giáo dục mầm non. Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh (Chi tiết tại Bảng 1 của Đề án này):

- Đối với ngành Giáo dục Mầm non (dự kiến): 1000

- Đối với các ngành cao đẳng khối giáo dục nghề nghiệp (dự kiến): 180.

5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

5.1. Phương thức 1: Sử dụng kết quả kỳ thi TNTHPT 2022

- Đã tốt nghiệp THPT

- Đối với ngành Giáo dục Mầm non:

+ Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Điểm xét tuyển: Nhà trường sử dụng kết quả của ba môn thi: Ngữ Văn, Toán và Năng khiếu (Đọc diễn cảm, Hát) để xét tuyển. Nhà trường công nhận kết quả thi các môn năng khiếu năm 2022 đối với thí sinh dự thi cùng ngành tại các trường Đại học, Cao đẳng (nếu trùng với môn thi năng khiếu nhà trường đã thông báo).

- Đối với các ngành khối giáo dục nghề nghiệp: Tổng điểm của tổ hợp các môn dùng để xét tuyển đã cộng điểm ưu tiên từ 13,5 trở lên.

Đối với các ngành Cao đẳng Dược, cao đẳng Điều dưỡng tổng điểm của tổ hợp các môn dùng để xét tuyển đã cộng điểm ưu tiên từ 15,0 trở lên.

- Thí sinh không bị điểm liệt trong kỳ thi TNTHPT năm 2022.

5.2. Phương thức 2: Kết hợp thi tuyển và xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở THPT

- Đối ngành Giáo dục Mầm non:

+ Điều kiện dự tuyển: Người dự tuyển phải có học lực lớp 12 xếp loại trung bình trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 5,5 trở lên. Đã tốt nghiệp THPT.

+ Điểm xét tuyển là điểm tổng cộng của các bài thi Năng khiếu (Đọc diễn cảm, Hát) và Điểm trung bình môn Ngữ Văn, Toán lớp 12. Điểm xét tuyển từ 16,50 trở lên.

+ Nhà trường công nhận kết quả thi các môn năng khiếu năm 2022 đối với thí sinh dự thi cùng ngành tại trường Đại học, Cao đẳng (nếu trùng với môn thi năng khiếu nhà trường đã thông báo).

- Đối với các ngành khối giáo dục nghề nghiệp:

+ Điều kiện dự tuyển: Người dự tuyển phải có học lực lớp 12 xếp loại trung bình trở lên. Đã tốt nghiệp THPT.

+ Điểm xét tuyển là điểm tổng cộng của các bài thi Năng khiếu (theo từng ngành) và Điểm trung bình cộng lớp 12. Điểm xét tuyển từ 13,50 trở lên.

- Thí sinh chỉ được phép đăng ký 01 tổ hợp môn xét tuyển/ngành, không giới hạn số nguyện vọng ngành đăng ký xét tuyển (Nhà trường xét tuyển theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp, nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

5.3. Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở THPT

- Điều kiện dự tuyển: Người dự tuyển phải có học lực lớp 12 xếp loại trung bình trở lên. Đã tốt nghiệp THPT.

- Điểm xét tuyển là Điểm trung bình cộng của các môn học lớp 12 theo tổ hợp xét tuyển của từng ngành từ 5,0 trở lên.

5.4. Nguyên tắc xét tuyển

Điểm xét tuyển là tổng điểm các môn thi theo thang điểm 10 đối với từng môn thi của từng tổ hợp xét tuyển và cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định Điều 7 của QC 07 (đối với các ngành Giáo dục mầm non) và Phụ lục của QC 05 (đối với các ngành khối giáo dục nghề nghiệp) và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Đối với thí sinh đã đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng, xét trúng tuyển từ thí sinh có điểm xét tuyển cao nhất trở xuống cho đến hết chỉ tiêu của ngành.

6. Các thông tin dùng để xét tuyển

- Nhà trường không xét mức chênh lệch điểm trúng tuyển của tổng điểm giữa các tổ hợp môn xét tuyển trong cùng một ngành.

- **Đối với thí sinh thuộc diện được miễn thi bài thi Ngoại ngữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:** Nhà trường sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn ngoại ngữ. Điểm bài thi môn Ngoại ngữ theo tổ hợp môn thi dùng để xét tuyển các ngành theo quy định của nhà trường được tính 10 điểm.

- **Đối với thí sinh thuộc diện bảo lưu điểm thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:** Nhà trường không sử dụng điểm bảo lưu trong kỳ thi THPT để xét tuyển.

Bảng 1: Ngành, chỉ tiêu và tổ hợp môn thi dùng để xét tuyển các ngành cao đẳng chính quy năm 2022

TT (1)	Mã trường (2)	Mã ngành (3)	Tên ngành (4)	Chỉ tiêu (dự kiến) (5)		Tổ hợp môn xét tuyển 1 (6)		Tổ hợp môn xét tuyển 2 (7)		Tổ hợp môn xét tuyển 3 (8)		Tổ hợp môn xét tuyển 4 (9)	
				theo xét KQ thi THPT QG	Theo phương thức khác	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính
I. Ngành sư phạm				1000									
1	C16	51140201	Giáo dục Mầm non	200	800	PT1: M00 (Ngữ văn, Toán, Môn năng khiếu : Đọc diễn cảm, Hát) PT2: Điểm trung bình cộng của điểm các bài thi Năng khiếu (Đọc diễn cảm, Hát) và Điểm trung bình môn Toán, Ngữ Văn lớp 12.							
II. Các ngành khối giáo dục nghề nghiệp													
1	CDD1603	6480205	Tin học ứng dụng	5	5	A00		A01		A16		D90	
2		6480209	Quản trị mạng máy tính	5	5								
3		6340302	Kế toán doanh nghiệp	5	5	A00		A01		A16		D90	
4		6220206	Tiếng Anh	5	5	D01		D72		D90			
5		6720301	Điều dưỡng	20	50	B00		B08					
6		6720201	Dược	20	50	A00		B00		B08			

Ghi chú: * Mã tổ hợp các môn thi cụ thể như sau:

Toán, Vật lí, Hóa học	A00	Toán, Sinh, Tiếng Anh	B08
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01
Toán, Khoa học tự nhiên, Ngữ văn	A16	Ngữ văn, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh	D72
Toán, Hóa học, Sinh học	B00	Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh	D90

* Nếu các môn năng khiếu không tiến hành thi trực tiếp do điều kiện bất khả kháng, sẽ được tổ chức thi bằng hình thức trực tuyến (online). Nhà trường sẽ có thông báo cụ thể trên website của trường.

7. Tổ chức tuyển sinh:

7.1. Thông tin về các đợt tuyển sinh

** Đối với Ngành Giáo dục Mầm non:*

Đợt 1, nhà trường thực hiện theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các đợt tiếp theo thi theo kế hoạch của nhà trường.

** Đối với các ngành khối Giáo dục nghề nghiệp:*

Đợt thi, xét tuyển	Nội dung	Thời gian
Đợt 1	Nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển đợt 2	04/4 -08/7/2022
	Thi năng khiếu + thi năng khiếu GD Mầm non	15/07/2022
	Xét và Thông báo kết quả trúng tuyển (Ngành GD Mầm non- đợt 1, theo lịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo)	22/7/2022
	Nhập học đợt 1 (Ngành GD Mầm non- đợt 1, theo lịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo)	29/7/2022
Đợt 2	Nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển đợt 2	01/8 -01/9/2022
	Thi năng khiếu + thi năng khiếu GD Mầm non	09/9/2022
	Xét và Thông báo kết quả trúng tuyển	16/9/2022
	Nhập học đợt 2	23/9/2022
Đợt 3	Nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển đợt 3	26/9 -14/10/2022
	Thi năng khiếu + thi năng khiếu GD Mầm non	21/10/2022
	Xét và Thông báo kết quả trúng tuyển các ngành	25/10/2022
	Nhập học đợt 3	28/10/2022
Đợt 4	Nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển đợt 4	31/10 -18/11/2022
	Thi năng khiếu + thi năng khiếu GD Mầm non	22/11/2022
	Xét và Thông báo kết quả trúng tuyển các ngành	25/11/2022
	Nhập học đợt 4	28/11/2022
Đợt 5	Nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển đợt 5	28/11 -16/12/2022
	Thi các môn năng khiếu các ngành	20/12/2022
	Xét và Thông báo kết quả trúng tuyển các ngành	23/12/2022
	Nhập học đợt 5	27/12/2022

7.2. Hồ sơ xét tuyển, hình thức, địa điểm nộp hồ sơ

a) Hồ sơ xét tuyển

Hồ sơ xét tuyển đựng vào Túi hồ sơ gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của trường (tải Phiếu tại website của nhà trường: www.caodangvinhphuc.edu.vn).
- Bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2022 (bản sao có chứng thực). Bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp (photo công chứng) đối với các thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp cùng chuyên ngành.
- Học bạ THPT hoặc tương đương (bản sao có chứng thực). Bảng điểm tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp (bản sao có chứng thực) đối với các thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp cùng chuyên ngành.
- Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân (bản sao có chứng thực).
- 4 ảnh cỡ 3x4 (chụp không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ).
- 2 phong bì dán tem và ghi rõ địa chỉ, số điện thoại của người nhận.
- Các giấy tờ ưu tiên (bản sao có chứng thực) (nếu có)

b) Hình thức, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển

*** Hình thức:**

- Nộp trực tiếp tại Phòng Đào tạo-Bồi dưỡng, Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc.
- Gửi chuyển phát nhanh qua đường bưu điện.
- Ngoài hình thức nộp trực tiếp, các ngành thuộc khối Giáo dục nghề nghiệp có thể đăng ký trực tuyến theo 02 cách sau:
 - + Đăng ký trực tuyến (online) trên trang thông tin điện tử về tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có địa chỉ tại: <http://tuyensinh.gdnn.gov.vn> hoặc trên trang thông tin điện tử của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội của tỉnh Vĩnh Phúc hoặc trên các trang thông tin điện tử của trường;
 - + Đăng ký trực tuyến (online) qua Ứng dụng “Chọn nghề” được cài đặt trên các thiết bị di động (điện thoại thông minh, máy tính bảng).

*** Địa điểm nộp hồ sơ:**

- Trụ sở chính: Phòng Đào tạo-Bồi dưỡng - Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc, Phường Trung Nhị, TP Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Điện thoại: 02113.881.041.
 - Cơ sở tại Vĩnh Yên: Phòng Đào tạo-Bồi dưỡng - Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc Phường Liên Bảo, TP Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Điện thoại: 02113 860 758
- Nhà trường nhận hồ sơ xét tuyển: buổi sáng 8h - 11h, buổi chiều 14h - 17h vào các ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần trừ ngày lễ.

8. Chính sách ưu tiên

- Đối tượng ưu tiên: Đối tượng ưu tiên theo quy định Điều 7 của QC 07 (đối với các ngành giáo dục mầm non) và Phụ lục 01 của QC 05 (đối với các ngành khối giáo dục nghề nghiệp).
- Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực: Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một phần tư điểm) tương ứng với tổng điểm 3 môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) không nhân hệ số theo thang điểm 10.

9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

Căn cứ Thông tư liên tịch số 40/2015/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 27 tháng 03 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dự thi, dự tuyển (lệ phí tuyển sinh).

- Lệ phí xét tuyển hoặc tuyển thẳng: 30.000 đ/hồ sơ
- Lệ phí thi tuyển các môn năng khiếu: 300.000 đ/hồ sơ

10. Học phí dự kiến và lộ trình tăng học phí với sinh viên hệ chính quy

Theo Nghị định 86/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

11. Tình hình việc làm**11.1. Khóa tốt nghiệp 2020**

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV/HS trúng tuyển nhập học		Số SV/HS tốt nghiệp		Trong đó số SV/HS tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng	
	CĐSP	TCSP	CĐSP	TCSP	CĐSP	TCSP	CĐSP	TCSP
Khối ngành I	715	100	967	0	191	45	182	39

11.2. Khóa tốt nghiệp 2021

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV/HS trúng tuyển nhập học		Số SV/HS tốt nghiệp		Trong đó số SV/HS tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng	
	CĐSP	TCSP	CĐSP	TCSP	CĐSP	TCSP	CĐSP	TCSP
Khối ngành I	970	0	1013	0	558	49	496	41
Khối ngành khác						16		16

12. Tài chính: Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 33.376.000.000 đ

III. TUYỂN SINH HỆ TRUNG CẤP CHÍNH QUY**1. Thông tin về các ngành tuyển sinh**

TT	Ngành đào tạo/mã ngành	Thời gian đào tạo	Chỉ tiêu	Hình thức thi, Xét tuyển Điều kiện đăng ký	Vùng tuyển Thời gian tuyển Hạn nhận hồ sơ
I	Khối ngành văn hóa nghệ thuật, du lịch				
1	Nghiệp vụ lễ tân (5810203)	2 năm	30	- Xét theo ĐTB các môn cả năm lớp 9. - Đã tốt nghiệp THCS	-Tuyển sinh nhiều đợt trong năm. -Tuyển sinh trong cả nước - Nhận hồ sơ từ 04/04/2022 đến 16/12/2022
2	Hướng dẫn du lịch (5810103)		15		
3	NT múa dân gian dân tộc (5210207)	2 đến 3 năm	5	- Đối với hệ 3 năm: +Xét theo ĐTB các môn cả năm lớp 9 và thi năng khiếu chuyên ngành. + Đã tốt nghiệp THCS - Đối với hệ 2 năm: +Xét theo ĐTB các môn cả năm lớp 12 và thi năng khiếu chuyên ngành. + Đã tốt nghiệp THPT	
4	Đàn Guitare (5210217)		5		
5	Thanh nhạc (5210225)		5		
6	Đàn Organ (5210224)		5		
7	Hội họa (5210103)		5		
II	Khối ngành sức khỏe (dự kiến)				
1	Y sĩ đa khoa	2 năm	30	+Xét theo ĐTB các môn cả năm lớp 12 . + Đã tốt nghiệp THPT	
2	Y sĩ Y học cổ truyền		30		

2. Quy chế tuyển sinh: Thực hiện theo Quy chế của nhà trường.

Chi tiết trên website: caodangvinhphuc.edu.vn

IV. TUYỂN SINH HỆ SƠ CẤP

1. Thông tin về các ngành tuyển sinh

- Chỉ tiêu: 30

- Các ngành đào tạo: Đàn (Guitare; Organ); Thanh nhạc; Hội họa; Múa; Thiết kế thời trang; Thiết kế đồ họa; Điêu khắc; Hướng dẫn du lịch; Nghiệp vụ lễ tân.

- Thời gian đào tạo: từ 03 đến 06 tháng.

- Hình thức thi, xét tuyển và điều kiện đăng ký: Thí sinh đã tốt nghiệp THCS và sức khỏe phù hợp với nghề cần học đều được tuyển sinh học nghề trình độ sơ cấp.

- Vùng tuyển, thời gian tuyển: Tuyển sinh trong cả nước, tuyển sinh nhiều đợt trong năm.

2. Quy chế tuyển sinh: Thực hiện theo Quy chế của nhà trường.

Chi tiết trên website: caodangvinhphuc.edu.vn

V. LIÊN KẾT ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG

- **Ngành tuyển sinh:** Các ngành sư phạm; Kinh tế, Tài chính, Quản trị kinh doanh, Luật, Quản lý văn hóa, Thư viện, Tin học, Ngoại ngữ; các ngành khối sức khỏe (Chi tiết các ngành trên Website: caodangvinhphuc.edu.vn).

- **Vùng tuyển:** Tuyển sinh trong cả nước.

- **Thời gian xét tuyển và nhận hồ sơ** (Website: caodangvinhphuc.edu.vn)

- **Thi tuyển:** theo quy định của các trường đại học, cao đẳng

- **Thời gian đào tạo:** theo quy định của các trường đại học, cao đẳng .

VI. CÁC LỚP BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ

- Bồi dưỡng cấp chứng chỉ chức danh nghề nghiệp giáo viên phổ thông.

- Bồi dưỡng nghiệp vụ cho 04 nhóm đối tượng: Người quản lý Nhà văn hóa thôn, tổ dân phố;

Người trông coi di tích; Hạt nhân văn nghệ quần chúng; Bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch trong năm.

- Đào tạo bồi dưỡng, đào tạo lại khối ngành Y, dược

Nội dung chi tiết trên website: caodangvinhphuc.edu.vn
